| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 262/2023/KDTM-PT
Ngày: 15/12/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán **:** **Bà Phạm Thị Mai**

**Ông Nguyễn Xuân Tuấn**

- Thư ký phiên toà: **Ông Nguyễn Trung Kiên** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

**Ông Nguyễn Minh Hoàng**- Kiểm sát viên.

Các ngày 06, 11 và 15/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 173/KDTM-TLPT ngày 18/7/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2023/KDTM-ST ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 738/2023/QĐXX-PT ngày 14/11/2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.**

Địa chỉ: Số 198 phố Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thế Vinh – Phó Phòng quản lý nợ Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Ba Đình.

Địa chỉ: Số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội (*Theo giấy ủy quyền số 553/UQ-BĐI.HCNS ngày 27/10/2022*).

**2. Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu tổng hợp B.**

Địa chỉ: Phòng 203 nhà B3, ngõ 27, phố C, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội;

*Đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Ngọc D - Giám đốc (đã mất năm 2018).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**-Ông Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1962 (đã chết);

**- Bà Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1974;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 37 phố Đ1, phường, quận K, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 80 ngõ 10 đường L, phường C1, quận B, Thành phố Hà Nội.

**- Cháu Nguyễn Diệu L1**, sinh năm 2004 và **Cháu Nguyễn Ngọc L2**, sinh năm 2011 - do Bà H đại diện (là vợ, con ông D). Cùng trú tại: Số 80 ngõ 10 đường L, phường C1, quận B, thành phố Hà Nội

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Ngọc D*:

- **Ông Nguyễn Sơn L3**, sinh năm 1931; **Bà Phạm Khánh V**, sinh năm 1942 (*bố mẹ đẻ ông D*). Cùng thường trú tại Phòng 203 –Khu tập thể 27B3 Cát Linh, phường C, quận Đ, Hà Nội.

- **Anh Nguyễn Anh Q** (*con trai ông D*), sinh năm 1989. Nơi thường trú tại Phòng 203 –Khu tập thể 27B3 Cát Linh, phường C, quận Đ, Hà Nội.

- **Anh Nguyễn Minh K** (*con trai ông D*), sinh năm 1994. Nơi thường trú tại: Ch A10.05 N03, 25 đường T, phường V, quận T1, Hà Nội.

- **Bà Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm: 1974; **Cháu Nguyễn Diệu L1**, sinh năm 2004 và **Cháu Nguyễn Ngọc L2**, sinh năm 2011 - do Bà H đại diện (là vợ, con ông D). Cùng trú tại: Số 80 ngõ 10 đường L, phường C1, quận B, Thành phố Hà Nội.

Ngày 20/10/2023, Ông Nguyễn Sơn L3, bà Phạm Khánh V, anh Nguyễn Anh Q và anh Nguyễn Minh K có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng H để tham gia tố tụng để giải quyết vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1.* ***Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu Tổng hợp B (sau đây gọi tắt là Công ty B) có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam– Chi nhánh Ba Đình (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng Vietcombank) từ tháng 06/2008. Trong đó, Công ty B còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng như sau:

**- Hợp đồng tín dụng số 01/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 18/04/2012**:
Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng;

Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản như: cao su, sắn lát, ngô, khô đậu tương… và các phụ gia sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Thời hạn cho vay là 04 tháng đối với mặt hàng cao su và 05 tháng đối với mặt hàng nông sản kể từ ngày rút vốn đến ngày Bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo từng Giấy nhận nợ).

Tổng số tiền đã giải ngân: **10.759.131.250 đồng**.

**- Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 06/12/2012**:
Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng;

Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản như: cao su, sắn lát, ngô, khô đậu tương… và các phụ gia sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Thời hạn cho vay là 04 tháng đối với mặt hàng cao su và 05 tháng đối với mặt hàng nông sản kể từ ngày rút vốn đến ngày Bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo từng Giấy nhận nợ).

Tổng số tiền đã giải ngân: **22.783.996.185 đồng**.

**- Hợp đồng tín dụng số 02/2013/NHNT.BĐ ngày 16/09/2013**:
Hạn mức cho vay (bằng số): 30.000.000.000 đồng;

Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua cao su phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại của công ty.

Thời hạn cho vay là 04 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày Bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (Theo từng giấy nhận nợ)

Tổng số tiền đã giải ngân: **7.579.362.000 đồng**.

**Tài sản bảo đảm cho 03 Hợp đồng tín dụng nêu trên gồm có:**

*I. Tài sản bảo đảm của bên vay:*

1. Xe ô tô Ford Everest trị giá 535.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 01/2010/TCCC/NHTMCPNT.BĐ ngày 08/01/2010 (Phụ lục 01 ngày 20/2/2012).

2. Xe ô tô Mercedes C200 trị giá 525.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 01/09/TCCC/NHTMCPNT.BĐ ngày 24/6/2009 (Phụ lục 01 ngày 20/02/2012).

3. Xe ô tô Mercedes E300 trị giá 2.433.160.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 01/11/TCCC/NHTMCPNT.BĐ ngày 14/9/2011.

*II. Tài sản bảo đảm của bên thứ 3:*

1. Quyền sử dụng đất và ngôi nhà trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 786.2011/HĐTC ngày 28/4/2011.

2. Quyền sử dụng đất và ngôi nhà trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 2878.2008/HĐTC ngày 05/12/2008 (Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 2444.2011/HĐTC ngày 09/12/2011).

3. Quyền sử dụng đất và ngôi nhà trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 808.2009/HĐTC ngày 30/3/2009 (Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 2040.2011/HĐTC ngày 13/10/2011 và các biên bản định giá kèm theo).

4. Quyền sử dụng đất và ngôi nhà trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 604.2010/HĐTC ngày 10/5/2010 (Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 2039.2011/HĐTC ngày 13/10/2011 và các biên bản định giá kèm theo).

5. Quyền sử dụng đất và ngôi nhà trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 888.2011/HĐTC ngày 22/9/2011.

6. Quyền sử dụng đất và ngôi nhà trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 4418.2011/HĐTC ngày 23/9/2011.

7. Quyền sử dụng đất và ngôi nhà trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 3846.2012/HĐTC ngày 12/7/2012.

**Nghĩa vụ bảo đảm:** Tất cả các Hợp đồng thế chấp tài sản các bên thỏa thuận: "Bên Ngân hàng đồng ý nhận tài sản thế chấp nói trên của Bên thế chấp để **đảm bảo thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ** của Bên vay đối với bên Ngân hàng do được Bên ngân hàng cung cấp với số tiền, thời hạn và các thỏa thuận khác được ghi cụ thể trong các Hợp đồng tín dụng hoặc trong các văn bản/giấy tờ và các thỏa thuận khác giữa Bên vay và Bên Ngân hàng được ký kết trước và sau ngày hợp đồng này có hiệu lực ...".

Từ tháng 06/2008 đến 12/2012, Công ty B thể hiện là một doanh nghiệp làm ăn có uy tín, hiệu quả. Các món vay đến hạn trong khoảng thời gian đó đều được Công ty B trả nợ gốc, lãi đầy đủ đúng hạn. Tất cả các khoản vay trên đều có tài sản bảo đảm.

Từ tháng 12/2012, Công ty B bắt đầu có dấu hiệu làm ăn thua lỗ, phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng vẫn hỗ trợ cho tạo điều kiện cho Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh để tạo nguồn thu trả nợ Ngân hàng… đồng thời nhiều lần chủ động thông báo nợ quá hạn, mời Giám đốc công ty làm việc tại Ngân hàng hoặc đến trụ sở công ty để làm việc và yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng.

Tuy nhiên, dù có sự hỗ trợ tích cực từ phía Ngân hàng, Công ty vẫn không kinh doanh đạt hiệu quả và tạo được nguồn thu để trả nợ Ngân hàng đúng hạn. Qua những lần làm việc này, Giám đốc Công ty B đã nhiều lần cam kết sẽ có tiến độ trả gốc lãi cho Ngân hàng từ nguồn tiền thu từ hoạt động kinh doanh, bán tài sản bảo đảm... Tuy nhiên, các cam kết trên đều không được Công ty B thực hiện đầy đủ. Ông Nguyễn Ngọc D, đại diện theo pháp luật của công ty đã đột tử vào tháng

5/2018. Công ty B đã không thực hiện các cam kết trong hợp đồng Tín dụng, Hợp đồng thế chấp… gây tổn thất cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng Vietcombank khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty B phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi và lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 23/3/2023 của các hợp đồng tín dụng nêu trên là:

| TT | Hợp đồng | Số tiền đã giải ngân cho vay | Số tiền đã trả | | Tiền nợ (Tính đến ngày 23/3/2023) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tiền gốc | Tiền lãi | Tiền gốc | Lãi trong hạn | Lãi quá hạn |
| 1 | 01/2012 ngày 18/04/2012 | 10.759.131.250 | 10.759.131.250 | 451.463.890 | 0 | 1.440.560.415 | 350.148.106 |
| 2 | 02/2012 ngày 06/12/2012 | 22.783.996.185 | 5.558.768.750 | 149.762.377 | 17.225.227.435 | 25.561.370.390 | 7.347.911.219 |
| 3 | 02/2013 ngày 16/09/2013 | 7.579.362.000 | 397.000.000 | 0 | 7.182.362.000 | 7.069.467.316 | 2.041.884.654 |
| | **Tổng cộng** | **41.122.489.435** | **16.714.900.000** | **601.226.267** | **24.407.589.435** | **34.071.398.121** | **9.739.943.979** |

Tổng cộng: **68.218.931.535 đồng**, trong đó: Nợ gốc: **24.407.589.435 đồng**; Lãi trong hạn: **34.071.398.121 đồng**; Lãi quá hạn: **9.739.943.979 đồng**.

Công ty B còn phải trả cho Ngân hàng Vietcombank số tiền lãi phát sinh từ ngày 24/03/2023 theo lãi suất tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp Công ty B không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 253-1, tờ bản đồ: 7G-III-33 tại địa chỉ: Số 86 tổ 3 phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội. Tài sản này thuộc quyền sử dụng và sở hữu của Ông Nguyễn Ngọc D và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số AN 896416, hồ sơ gốc số 3983.2000.QĐUB/6282.2001, MS 10101123032-02 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 03/03/2009.

Còn các tài sản bảo đảm khác đã được Ngân hàng giải chấp hoặc đã bán để thu hồi nợ thì Ngân hàng không có yêu cầu.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Vietcombank.

Về án phí: Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

**2. Bị đơn Công ty B:**

Công ty không còn hoạt động tại trụ sở theo đăng ký kinh doanh là Phòng 203 nhà B3 ngõ 27 phố C, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Ngọc D đã chết từ năm 2018 và không có người đại diện theo pháp luật thay thế.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng H có lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:**

Bà là vợ của ông Nguyễn Ngọc D. Bà H và ông D có cho Công ty B mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 253-1, tờ bản đồ: 7G-III-33 tại địa chỉ: Số 86 tổ 3 phường T, quận , Hà Nội là tài sản chung của ông bà để thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng VCB – Chi nhánh Ba Đình.

Bà đề nghị Tòa án xem xét giá trị pháp lý của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp để bảo đảm quyền lợi cho gia đình bà. Bà đề nghị Ngân hàng VCB trả lại sổ đỏ quyền sử dụng đất cho gia đình bà vì Ngân hàng cho bên Công ty B vay thì phải dùng tài sản bảo đảm của bên công ty chứ không thể đều dùng tài sản của bên thứ ba.

***4. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2023/KDTM-ST ngày 23/3/2023, Toà án nhân dân quận Đ quyết định:***

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Vietcombank đối với Công ty B.

- Xác nhận Công ty B còn nợ Ngân hàng Vietcombank số tiền nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 18/04/2012, Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 06/12/2012, Hợp đồng tín dụng số 02/2013/NHNT.BĐ ngày 16/09/2013 và các giấy nhận nợ kèm theo tính đến hết ngày 23/03/2023 với nợ gốc: **24.407.589.435 đồng**; lãi trong hạn: **34.071.398.121 đồng**; lãi quá hạn: **9.739.943.979 đồng**. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: **68.218.931.535 đồng**.

- Buộc Công ty B phải thanh toán trả cho Ngân hàng Vietcombank tổng số tiền nợ gốc và lãi là: **68.218.931.535 đồng**.

- Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, trường hợp Công ty B không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và tiền lãi nói trên cho Ngân hàng Vietcombank thì Ngân hàng Vietcombank có quyền đề nghị cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng, tài sản đảm bảo là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 253-1, tờ bản đồ số 7G-III-3 tại địa chỉ: Số 86 tổ 3 phường T, quận B, Hà Nội. Tài sản này thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Nguyễn Ngọc D và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

***5. Sau khi xét xử sơ thẩm:***

*Không đồng ý với bản án sơ thẩm,* ngày 03/4/2023, *bà Nguyễn Thị Hồng H, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo đối với một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2023/KDTM-ST ngày 23/3/2023 của Toà án nhân dân quận Đ*, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mại tài sản bảo đảm là nhà đất tại số 86 ngõ 10 tổ 3 phường T, quận B, Hà Nội, tạo điều kiện cho mẹ con Bà H mua lại căn nhà trên với mức giá phù hợp để có chỗ làm ăn sinh sống.

***6. Tại cấp phúc thẩm:***

*6.1 Về Công ty B:*

Ông Nguyễn Ngọc D, nguyên là chủ sở hữu và là người đại diện theo pháp luật của Công ty B đã mất từ tháng 5/2018. Tại Công văn số 3509/CCTT-ĐKKD ngày 12/9/2023, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cho biết: Đến thời điểm hiện nay, Công ty B không có đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty vẫn là ông Nguyễn Ngọc D. Trên Hệ thống mạng Đăng ký doanh nghiệp Quốc gia hiển thị doanh nghiệp đang trong tình trạng pháp lý "không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký" theo phản ánh của Cơ quan thuế.

Tại Toà án cấp sơ thẩm, Tòa án đã yêu cầu các đương sự cung cấp danh sách họ tên và địa chỉ của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Ngọc D nhưng không ai cung cấp được.

Tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng H đã cung cấp danh sách họ tên và địa chỉ của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Ngọc D, gồm bố mẹ đẻ, 02 con trai riêng của ông Nguyễn Ngọc D, bà Nguyễn Thị Hồng H là vợ và 02 con chung với ông Nguyễn Ngọc D. Tòa án cấp phúc thẩm đã bổ sung đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Ngọc D, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên XNK tổng hợp B.

Ngày 20/10/2023, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Ngọc D nêu trên, gồm: ông Nguyễn Sơn L3, bà Phạm Khánh V, anh Nguyễn Anh Q và anh Nguyễn Minh K có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng H để tham gia tố tụng để giải quyết vụ án.

*6.2 Bà Nguyễn Thị Hồng H, là người có quyền nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện không còn chỗ ở nào khác. Mong muốn của gia đình là được nộp cho Ngân hàng khoảng 02 tỷ đồng để được rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng, tạo điều kiện cho mẹ con Bà H có chỗ ở. Theo yêu cầu của Ngân hàng, Bà H đã vay mượn và nộp vào

tài khoản 2 tỷ đồng để có căn cứ Ngân hàng làm thủ tục giải chấp căn nhà cho mẹ con bà, đề nghị Ngân hàng tạo điệu kiện. Ngoài ra Bà H không có trình bày và yêu cầu nào khác.

*6.3 Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam trình bày:*

Các Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng thế chấp tài sản đã được các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng pháp luật. Hiện nay, Công ty B không trả nợ nên Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp còn lại là nhà đất tại số 86 ngõ 10 tổ 3 phường phường T, quận B, Hà Nội. Đối với đề nghị của Bà H, Ngân hàng đã xem xét và báo cáo nhưng theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Ngân hàng về xử lý tài sản bảo đảm không cho phép vì số tiền Bà H đề nghị thanh toán cho Ngân hàng thấp hơn nhiều so với giá trị của tài sản bảo đảm. Ngân hàng sẽ tạo điều kiện cho Bà H trong giai đoạn thi hành án, giành quyền ưu tiên cho Bà H được mua lại tài sản nếu có nhu cầu.

*6.4 Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Ngọc D có trình bày như sau:*

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Ngọc D đã có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng H để tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Không ai có ý kiến trình bày và cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

***7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án*:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy việc các bên ký kết Hợp đồng tín dụng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty B trả số tiền nợ gốc, nợ lãi là phù hợp pháp luật. Các đương sự không ai kháng cáo nên có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, theo bảng kê tính lãi mà Ngân hàng yêu cầu thanh toán, qua kiểm tra thấy không đúng với cách tính lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, đề nghị Ngân hàng giải trình rõ và sửa đổi, bổ sung theo đúng thỏa thuận về cách tính lãi suất trong Hợp đồng tín dụng.

Về Hợp đồng thế chấp tài sản: Các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp Công ty không trả nợ thì có quyền xử lý tài sản thế chấp là nhà đất tại số 86 ngõ 10 tổ 3 phường T, quận B, Hà Nội là có căn cứ nên chấp nhận. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng H đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mại tài sản bảo đảm là nhà đất nêu trên nhưng Bà H không cung cấp được

tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, Ngân hàng Vietcombank đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất tại địa chỉ: Căn hộ 203, TT 203 Minh Khai, phường M, quận T, thành phố Hà Nội nhưng tại phần quyết định của Bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu trên là thiếu sót.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm; Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Xét về thủ tục kháng cáo**:

- *Về thủ tục tố tụng* : Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H làm trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

*- Về người tham gia tố tụng:*

Tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng H đã cung cấp danh sách họ tên và địa chỉ của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Ngọc D, người đại diện theo pháp luật của Công ty B, gồm bố mẹ đẻ, 02 con trai riêng của ông Nguyễn Ngọc D, bà Nguyễn Thị Hồng H là vợ và 02 con chung với ông Nguyễn Ngọc D. Tòa án cấp phúc thẩm đã bổ sung đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Ngọc D, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên XNK tổng hợp B. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xác định đầy đủ những người thừa quyền và nghĩa vụ kế tố tụng của ông Nguyễn Ngọc D tham gia tố tụng là thiếu sót, tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt theo Giấy triệu tập. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Ngọc D là ông Nguyễn Sơn L3, bà Phạm Khánh V, anh Nguyễn Anh Q và anh Nguyễn Minh K đã có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng H để tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2].Về nội dung kháng cáo:**

** Về tính pháp lý của các Hợp đồng tín dụng:*

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng cụ thể và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, Ngân hàng Vietcombank đã cho Công ty B vay tổng số tiền **41.122.489.435 đồng** theo 03 Hợp đồng tín dụng, gồm: Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 18/04/2012, Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 02/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 06/12/2012 và Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 02/2013/NHNT.BĐ ngày 16/09/2013 và các giấy nhận nợ cụ thể kèm theo. Các hợp đồng tín dụng trên đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết hợp đồng và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Số tiền cho vay trong hạn mức cấp tín dụng các bên đã thỏa thuận. Các đương sự không có kháng cáo nên có hiệu lực pháp luật.

**Về số tiền gốc và lãi phải thanh toán theo các hợp đồng tín dụng:*

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B mới thanh toán cho Ngân hàng Vietcombank số tiền nợ gốc là: 16.714.900.000 đồng và một phần số tiền lãi với số tiền: 601.226.267 đồng. Do Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 8 của các Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng Vietcombank đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty B phải thanh toán trả cho Ngân hàng Vietcombank số tiền nợ gốc là 24.407.589.435 đồng; tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày 23/03/2023 là:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 18/04/2012 số tiền nợ lãi trong hạn: 1.440.560.415 đồng và nợ lãi quá hạn: 350.148.106 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 06/12/2012 nợ lãi trong hạn: 25.561.370.390 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.347.911.219 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 02/2013/NHNT.BĐ ngày 16/09/2013 số tiền nợ lãi trong hạn: 7.069.467.316 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.041884.654 đồng;

Tổng cộng số tiền nợ lãi là: 43.811.342.100 đồng, trong đó: Nợ lãi trong hạn: 34.071.398.121 đồng; lãi quá hạn: 9.739.943.979 đồng.

*Xét thấy*: Tại Điều 4 và Điều 5 của các Hợp đồng tín dụng quy định: "*Lãi suất được xác định trong từng giấy nhận nợ và có hiệu lực trong thời hạn của giấy nhận nợ. Đối với nợ gốc quá hạn, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất trong hạn*". Theo các giấy nhận nợ kèm theo của các hợp đồng tín dụng đã ký kết đều thỏa thuận lãi suất theo các giấy nhận nợ.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 4 của các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên và các văn bản để áp dụng việc tính lãi, thấy việc Ngân hàng Vietcombank áp dụng mức lãi suất để lãi là đúng với thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ cụ thể và phù hợp các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cách tính lãi suất của Ngân hàng xác định lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của số tiền gốc chậm trả không đúng với cách tính lãi suất như hai bên đã thỏa

thuận trong các hợp đồng tín dụng. Do dó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là có căn cứ. Tuy các đương sự không kháng cáo về số tiền lãi phải thanh toán theo các hợp đồng tín dụng nhưng để đảm bảo quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự xét thấy cần yêu cầu Ngân hàng Vietcombank tính lại số tiền lãi trên.

Thực hiện yêu cầu của Hội đồng xét xử, Ngân hàng Vietcombank đã cung cấp lại bảng kê tính lãi cụ thể theo từng hợp đồng tín dụng. Xét thấy tổng số tiền lãi sau khi tính lại vẫn đúng với tổng số tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện, chỉ khác về phương pháp tính lãi đối với đối với số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn. Cách tính lãi trên phù hợp với quy định của pháp luật và đúng với thỏa thuận của các đương sự nên được chấp nhận, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 18/04/2012 số tiền nợ lãi trong hạn: 0 đồng và nợ lãi quá hạn: 1.790.708.521 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 06/12/2012 nợ lãi trong hạn: 1.068.332.994 đồng, nợ lãi quá hạn: 31.840.948.615 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 02/2013/NHNT.BĐ ngày 16/09/2013 số tiền nợ lãi trong hạn: 263.185.137 đồng, nợ lãi quá hạn: 8.848.166.833 đồng;

Tổng cộng số tiền nợ lãi là: **43.811.342.100 đồng**, trong đó: Nợ lãi trong hạn: 1.331.518.131 đồng; lãi quá hạn: 42.479.823.969 đồng.

** Về tài sản bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng:*

Bảo đảm cho 03 Hợp đồng tín dụng nêu trên, có 10 tài sản bảo đảm, trong đó có 03 tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của bên vay và 07 tài sản bảo đảm thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của bên thứ ba. Hiện nay, trong quá trình thanh toán nợ, Ngân hàng đã giải chấp cho 09 tài sản bảo đảm, còn 01 tài sản bảo đảm của bên thứ ba là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 253-1, tờ bản đồ: 7G-III-33 tại địa chỉ: Số 86 tổ 3 phường T, quận B, TP Hà Nội. Tài sản này thuộc quyền sử dụng và sở hữu của Ông Nguyễn Ngọc D và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số AN 896416, hồ sơ gốc số 3983.2000.QĐUB/6282.2001, MS 10101123032-02 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 03/03/2009. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền để bảo lãnh cho bên thứ ba số 808.2009/HĐTC ký ngày 30/03/2009 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi số công chứng: 2040.2011/HĐTC ngày 13/10/2011.

Bà Nguyễn Thị Hồng H, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đối với một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mại tài sản bảo đảm là nhà đất tại số 86 ngõ 10 tổ 3 phường T, quận B, Hà Nội, tạo điều kiện cho mẹ con Bà H mua lại căn nhà với mức giá phù hợp để có chỗ làm ăn sinh sống.

*Xét thấy:*

- Tại cấp phúc thẩm, theo yêu cầu của Tòa án, Ngân hàng Vietcombank đã

cung cấp hồ sơ các hợp đồng thế chấp và hồ sơ giải chấp các tài sản bản đảm theo 03 Hợp đồng tín dụng. Căn cứ hồ sơ Ngân hàng Vietcombank cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy trình tự thủ tục ký kết các hợp đồng thế chấp và giải chấp các tài sản nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Ngân hàng Vietcombank.

- Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền để bảo lãnh cho bên thứ ba số 808.2009/HĐTC ký ngày 30/03/2009 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi số công chứng: 2040.2011/HĐTC ngày 13/10/2011.

Tại Điều 1 của Hợp đồng quy định về tài sản thế chấp: "Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 253-1, tờ bản đồ số 7G-III-3 và tài sản gắn liền tại địa chỉ: Số 86 tổ 3 phường T, quận B, TP Hà Nội. (Địa chỉ hiện nay là số 80 ngõ 10 phố Láng Hạ, phường T, quận B, Hà Nội). Tài sản này thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Nguyễn Ngọc D và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở" số AN 896416, hồ sơ gốc số 3983.2000.QĐUB/6282.2001, MS 10101123032-02 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 03/03/2009.

Khi thực hiện thủ tục ký kết hợp đồng thế chấp, Ngân hàng Vietcombank đã trực tiếp kiểm tra hiện trạng toàn bộ tài sản thế chấp nói trên và cùng bên vay, bên thế chấp thống nhất định giá là: 2.100.000.000 đồng theo biên bản định giá tài sản lập ngày 30/03/2009. Theo biên bản định giá tài sản ngày 30/03/2009 thể hiện trên thửa đất nêu trên có nhà bê tông 04 tầng, diện tích xây dựng là: 50m$^2$, được xây dựng năm 2004 và đã được sửa chữa vào năm 2008. Do đó, căn nhà bê tông 04 tầng nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp.

Điều 2: Về phạm vi nghĩa vụ bảo đảm: "*Bên thế chấp tự nguyện thế chấp toàn bộ tài sản cho bên ngân hàng để bảo đảm cho toàn bộ các khoản vay và tiền lãi vay, lãi quá hạn, các chi phí phát sinh từ khoản vay (nếu có)…*" và Điều 3 của hợp đồng quy định về thời hạn thế chấp: "*Thời hạn thế chấp tài sản nói trên 05 (năm) năm và được tính từ ngày ký hợp đồng này đến khi bên vay trả hết nợ, kể cả gốc, lãi và tiền phạt quá hạn và các chi phí phát sinh (nếu có) cho bên ngân hàng*".

Ngày 13/10/2011 tại Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội các bên đã ký hợp đồng thế chấp sửa đổi trong đó có sửa đổi Điều 1 về định giá tài sản bảo đảm, Điều 2 về nghĩa vụ bảo đảm, cụ thể là: "*bên thế chấp tự nguyện thế chấp toàn bộ tài sản cho bên ngân hàng để bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ của bên vay..*" và Điều 3 về thời hạn thế chấp: "*Thời hạn thế chấp tài sản bảo đảm nói trên được tính từ ngày hợp đồng này được đăng ký với cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm cho đến khi bên vay trả hết nợ, kể cả gốc, lãi và tiền phạt quá hạn và các chi phí phát sinh (nếu có) cho bên ngân hàng*".

Bà Nguyễn Thị Hồng H xác nhận bà có ký kết, điểm chỉ vào hợp đồng thế chấp và hợp đồng thế chấp sửa đổi nêu trên tại Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội. Theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm đối với những sửa đổi

của các bên về phạm vi nghĩa vụ bảo đảm, thời hạn thế chấp không thuộc trường hợp phải đăng ký thay đổi nội dung biện pháp giao dịch bảo đảm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không làm thay đổi giá trị pháp lý của các hợp đồng thế chấp đã được các bên ký kết.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền để bảo lãnh cho bên thứ ba số 808.2009/HĐTC ký ngày 30/03/2009 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi số công chứng: 2040.2011/HĐTC ngày 13/10/2011 giữa Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Ba Đình, Công ty B và ông Nguyễn Ngọc D, bà Nguyễn Thị Hồng H được ký kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Việc thế chấp tài sản trên đã được đăng ký bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất ngày 31/03/2009 theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết theo đúng quy định tại Điều 342, 343 Bộ luật dân sự năm 2005.

Do đó, trường hợp Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng Vietcombank có quyền đề nghị cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi khoản nợ với tài sản đảm bảo là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 253-1, tờ bản đồ số 7G-III-3 tại địa chỉ: Số 86 tổ 3 phường T, quận B, thành phố Hà Nội (Địa chỉ hiện nay là số 80 ngõ 10 phố L4, phường T, quận B, thành phố Hà Nội).

Tại cấp phúc thẩm, ngoài lời trình bày nêu trên, bà Nguyễn Thị Hồng H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác. Bà đề nghị xem xét, tạo điều kiện cho bà được mua lại căn nhà trên với mức giá phù hợp. Xét thấy đây là nội dung thỏa thuận về việc thi hành án nên Bà H có quyền thỏa thuận với Ngân hàng và Cơ quan thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H.

**[3]. Các nội dung khác liên quan đến quyết định của bản án sơ thẩm:**

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, Ngân hàng Vietcombank xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất tại địa chỉ: Căn hộ 203, TT 203 MK, phường MK, quận H1, thành phố Hà Nội. Tài sản thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Cao Quốc D và vợ là bà Vũ Thị Kim D1 theo "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BI 948480, Số vào sổ cấp GCN CH00707 do UBND quận H1 cấp ngày 05/7/2012. Việc Ngân hàng Vietcombank xin rút yêu cầu xử lý tài sản của ông D, bà D1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phần nhận định của Bản án sơ thẩm đã xác định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên của Ngân hành nhưng tại phần quyết định của Bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu trên là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 281, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 342, Điều 343, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 97; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 90; 91; 94; 95; 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

- Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/02/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo.

- Thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng của ngân hàng nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H; sửa một phần bản án sơ thẩm. Xử:***

***1.*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam đối với Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu tổng hợp B.

***2.*** Xác nhận Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu tổng hợp B còn nợ Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 18/04/2012, Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 06/12/2012, Hợp đồng tín dụng số 02/2013/NHNT.BĐ ngày 16/09/2013 và các giấy nhận nợ kèm tính đến hết ngày 23/03/2023 với nợ gốc: 24.407.589.435 đồng; lãi trong hạn: 34.071.398.121 đồng; lãi quá hạn: 9.739.943.979 đồng. Cụ thể như sau: số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 01/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 18/04/2012 gồm nợ lãi trong hạn: 1.440.560.415 đồng, nợ lãi quá hạn: 350.148.106 đồng; số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NHTMCPNTBĐ ngày 06/12/2012 gồm nợ gốc: 17.225.227.435 đồng, nợ lãi trong hạn: 25.561.370.390 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.347.911.219 đồng; số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 02/2013/NHNT.BĐ ngày 16/09/2013 gồm nợ gốc: 7.182.362.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.069.467.316 đồng và nợ lãi quá hạn: 2.041.884.654 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 68.218.931.535 đồng (*Sáu mươi tám tỷ hai trăm mười tám triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng*).

Buộc Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu tổng hợp B phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam tổng số tiền nợ gốc và lãi là: **68.218.931.535 đồng** (*Sáu mươi tám tỷ hai trăm mười tám triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu tổng hợp B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, trường hợp Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu tổng hợp B không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và tiền lãi nói trên thì Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ tài sản đảm bảo là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 253-1, tờ bản đồ số 7G-III-3 tại địa chỉ: Số 86 tổ 3 phường T, quận B, TP Hà Nội. Tài sản này thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Nguyễn Ngọc D và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số AN 896416, hồ sơ gốc số 3983.2000.QĐUB/6282.2001, MS 10101123032-02 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 03/03/2009. Để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền để bảo lãnh cho bên thứ ba số 808.2009/HĐTC ký ngày 30/03/2009 giữa Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Ba Đình, Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu tổng hợp B và ông Nguyễn Ngọc D, bà Nguyễn Thị Hồng H được công chứng tại Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội và Hợp đồng thế chấp sửa đổi số công chứng: 2040.2011/HĐTC ngày 13/10/2011. (Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/5/2021, trên thửa đất hiện nay có nhà bê tông 04 tầng 01 tum và địa chỉ số nhà hiện tại là: số 80 ngõ 10 phố Láng Hạ, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội).

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì tất cả những người đang sinh sống trên đất hoặc những người đang có tên trong sổ hộ khẩu thường trú trên đất thế chấp đều phải có nghĩa vụ chấp hành việc thi hành án.

Trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam, Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu tổng hợp B phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

**3**. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam về việc yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất tại địa chỉ: Căn hộ 203, TT 203 MK, phường MK, quận H1, thành phố Hà Nội. Tài sản thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Cao Quốc D và vợ là bà Vũ Thị Kim D1 theo "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BI 948480, Số vào sổ cấp GCN CH00707 do UBND quận H1 cấp ngày 05/7/2012.

**4.** Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu tổng hợp B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 176.218.931 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng*).

Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam số tiền 81.859.260 đồng (*Tám mươi mốt triệu tám trăm năm mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi đồng*) tạm ứng án phí đã nộp (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014420 ngày 15/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội).*

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm *(đã nộp theo biên lai số AA/2020/0071761 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội).*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**5**. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**
-VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. Đ;
- Chi cục THADS Q. Đ;
- Các Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN**

**Bùi Đức Bằng**